

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN
KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
KHÓA NGÀY 03/6/2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

3. Trường THPT Bảo Lạc
Số lượng trúng tuyển: 300 trong đó
a) Diện tuyển thẳng

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đối tượng trúng tuyển	Ghi chú
1	TRẦN THỊ ANH	Nữ	Nùng	17/05/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
2	BẾ DUY ANH	Nam	Tày	25/07/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	Khuyết tật	
3	BAN VĂN CHUNG	Nam	Lô Lô	21/09/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người	
4	LỤC THẾ CÔNG	Nam	Tày	23/08/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
5	HOÀNG THỊ KIM CÚC	Nữ	Nùng	13/01/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Học sinh trường PTDTNT	
6	THÀO A HẢI	Nam	Mông	06/06/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	Khuyết tật	
7	PHÙNG THỊ HOA	Nữ	Dao	26/02/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
8	VI THỊ THU HOÀI	Nữ	Nùng	23/07/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
9	HOÀNG THẾ HUÂN	Nam	Tày	22/01/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
10	HOÀNG THỊ HUỆ	Nữ	Tày	01/06/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
11	NÔNG THỊ HUỆ	Nữ	Tày	19/04/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
12	LANG VĂN HƯỜNG	Nam	Lô Lô	29/04/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người	
13	HOÀNG THẢO HƯƠNG	Nữ	Tày	11/02/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
14	NÔNG LAN HƯƠNG	Nữ	Tày	20/01/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
15	SÀM QUANG HUY	Nam	Nùng	28/01/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đối tượng trúng tuyển	Ghi chú
16	SÙNG THỊ LAN	Nữ	Mông	04/09/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
17	HOÀNG HOÀI LINH	Nữ	Nùng	31/10/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
18	HOÀNG TRIỆU KIỀU LY	Nữ	Tày	20/06/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
19	CHẢO THỊ NGÂN	Nữ	Dao	23/02/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
20	PHẠM BÍCH NGỌC	Nữ	Tày	27/01/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
21	TRIỆU TRỌNG NGUYỄN	Nam	Tày	01/01/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
22	BÀN MÙI NHẦY	Nữ	Dao	15/03/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Học sinh trường PTDTNT	
23	HỨA THỊ YẾN NHI	Nữ	Nùng	24/03/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Học sinh trường PTDTNT	
24	NÔNG THỊ NƯỜNG	Nữ	Nùng	24/04/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
25	HOÀNG VĂN QUYÊN	Nam	Lô Lô	19/11/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người	
26	LANG NÔNG THÁI	Nam	Lô Lô	11/05/2009	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	Dân tộc thiểu số rất ít người	
27	BAN VĂN THUẬN	Nam	Lô Lô	11/11/2009	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người	
28	CHẢO A TON	Nam	Dao	25/08/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
29	TÔ VĂN TRÀ	Nam	Tày	02/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Xuân Trường	Khuyết tật	
30	BẾ BÌNH NGỌC TRÂN	Nữ	Tày	01/05/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
31	NÔNG THỊ TRANG	Nữ	Nùng	05/09/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	
32	VÀNG A TÚ	Nam	Mông	01/01/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Học sinh trường PTDTNT	
33	HỨA THỊ VI	Nữ	Nùng	06/05/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Học sinh trường PTDTNT	

Danh sách gồm 33 học sinh./.

b) Duyệt kết quả thi tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	03.068	TRẦN ĐỨC GIANG	Nam	Kinh	16/12/2010	Phú Thọ	THCS thị trấn Bảo Lạc	2.00	8.25	7.50	9.25	27.00	Đạt giải nhì cấp tỉnh quy mô quốc gia
2	09.207	ĐÀM HOÀNG LINH HƯƠNG	Nữ	Tày	10/04/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	7.50	7.50	8.50	24.50	
3	03.329	NÔNG THỊ PHƯƠNG CHI	Nữ	Tày	15/03/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	7.00	8.50	7.75	24.25	
4	09.532	TÔ QUỐC VIỆT	Nam	Tày	21/01/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	6.75	6.50	8.75	23.00	
5	03.394	HOÀNG VI TRANG	Nữ	Nùng	14/01/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	2.00	6.75	7.00	6.75	22.50	Đạt giải nhì cấp tỉnh quy mô quốc gia
6	03.363	NÔNG KHÁNH LINH	Nữ	Tày	30/05/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	6.75	7.00	7.00	21.75	
7	03.337	DƯƠNG VĂN HIỀN	Nữ	Tày	26/09/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	7.00	7.25	6.00	21.25	
8	09.189	NÔNG KHÁNH HOÀNG	Nam	Tày	17/09/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	9.00	6.25	4.50	20.75	
9	03.382	BẾ HỒNG THẨM	Nữ	Tày	01/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	6.75	8.50	4.50	20.75	
10	03.399	NÔNG PHƯƠNG UYÊN	Nữ	Tày	26/07/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hồng Trị	1.00	7.25	7.75	4.50	20.50	
11	09.502	TRẦN LAN TRÚC	Nữ	Nùng	07/02/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	8.25	7.25	4.00	20.50	
12	03.391	LÙ VĂN TOÀN	Nam	Nùng	07/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	6.75	6.75	5.75	20.25	
13	03.314	TÔ NGUYỄN MINH VŨ	Nam	Tày	05/10/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	6.75	5.50	7.00	20.25	
14	03.051	LƯƠNG TIẾN ĐẠT	Nam	Nùng	01/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	8.00	5.75	5.50	20.25	
15	03.350	HOÀNG VĂN HỮU	Nam	Tày	22/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	5.75	8.00	5.25	20.00	
16	03.283	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	Tày	15/10/2010	Hà Giang	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	6.75	5.50	6.75	20.00	
17	03.323	HOÀNG THU ÁNH	Nữ	Tày	07/12/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	5.00	8.00	5.50	19.50	
18	03.359	ĐINH THỊ DIỆU LINH	Nữ	Tày	17/02/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	7.25	7.50	3.75	19.50	
19	09.546	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	Kinh	19/10/2010	Nam Định	THCS thị trấn Bảo Lạc		9.25	7.00	3.00	19.25	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
20	03.376	LINH TỔ NHƯ	Nữ	Nùng	07/08/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	7.75	8.00	2.50	19.25	
21	03.260	TÔ PHƯƠNG THẢO	Nữ	Tày	27/08/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	6.50	5.00	6.75	19.25	
22	03.331	NÔNG THÙY DƯƠNG	Nữ	Tày	18/05/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	8.00	6.50	3.75	19.25	
23	03.342	TÔ THU HOÀI	Nữ	Tày	15/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Xuân Trường	1.00	6.75	5.50	5.50	18.75	
24	03.398	NÔNG VĂN TUẤN	Nam	Tày	25/08/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	6.00	7.50	4.25	18.75	
25	03.315	TRIỆU XUÂN VŨ	Nam	Nùng	22/02/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	7.50	7.00	3.25	18.75	
26	03.396	LÝ PHƯỢNG TRINH	Nữ	Nùng	13/05/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	4.50	6.25	6.75	18.50	
27	03.352	HOÀNG HỮU HUỖNH	Nam	Nùng	10/05/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	8.00	6.50	2.75	18.25	
28	03.384	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	Nùng	06/03/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	4.75	8.75	3.75	18.25	
29	03.325	VŨ HẢI ÂU	Nam	Tày	04/11/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	4.00	5.75	7.50	18.25	
30	03.284	HOÀNG MINH TRIỀU	Nam	Nùng	24/07/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	6.50	3.75	7.00	18.25	
31	03.179	THẠCH TUẤN LONG	Nam	Nùng	03/11/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	4.50	6.00	6.75	18.25	
32	03.339	SÀM THỊ HIẾU	Nữ	Tày	20/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	5.50	7.75	3.75	18.00	
33	03.387	QUAN NHẬT THIÊN	Nam	Tày	13/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	4.00	6.50	6.25	17.75	
34	03.106	NÔNG MINH HUÂN	Nam	Nùng	12/06/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	7.75	3.25	5.75	17.75	
35	03.180	TÔ DUY LONG	Nam	Tày	01/10/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	4.50	5.75	6.25	17.50	
36	03.224	LỤC CẨM NHUNG	Nữ	Tày	16/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	4.50	7.75	4.00	17.25	
37	03.148	SÀM THỊ HỒNG LAM	Nữ	Tày	23/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	4.50	8.50	3.25	17.25	
38	03.334	HOÀNG LŨ BẢO HÂN	Nam	Tày	25/05/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Kim Cúc	1.00	4.00	6.25	6.00	17.25	
39	03.385	NÔNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	Tày	23/05/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	6.00	7.00	3.00	17.00	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
40	03.184	NÔNG THỊ CẨM LY	Nữ	Nùng	02/03/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	4.25	6.75	5.00	17.00	
41	03.141	MA MINH KHÔI	Nam	Tày	04/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Sơn Lộ	1.00	5.00	5.25	5.75	17.00	
42	03.317	HOÀNG KHÁNH VY	Nữ	Tày	07/11/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	3.00	6.25	6.50	16.75	
43	03.053	NÔNG TIẾN ĐẠT	Nam	Nùng	09/12/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	5.25	5.50	5.00	16.75	
44	03.156	HOÀNG NHẬT LỆ	Nữ	Nùng	01/08/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	4.00	6.50	5.00	16.50	
45	03.162	ĐẶNG VI THẢO LINH	Nữ	Tày	27/07/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	4.00	5.50	6.00	16.50	
46	03.335	LÝ THỊ HẰNG	Nữ	Nùng	03/08/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	4.00	5.00	6.25	16.25	
47	03.073	CHÁU THỊ HÀ	Nữ	Nùng	18/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	5.00	7.00	3.00	16.00	
48	03.248	LƯƠNG VĂN SLÀN	Nam	Tày	23/08/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	4.50	5.50	5.00	16.00	
49	03.037	NÔNG THÙY DƯƠNG	Nữ	Tày	11/08/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	5.00	6.00	4.00	16.00	
50	03.174	ĐINH LÊ LONG	Nam	Kinh	23/11/2010	Bình Phước	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	4.75	4.75	5.50	16.00	Có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số
51	03.365	HOÀNG NHẬT LY	Nữ	Nùng	22/07/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	4.25	7.50	3.00	15.75	
52	03.402	NÔNG PHƯƠNG VY	Nữ	Nùng	13/01/2010	Cao Bằng	TH và THCS Đức Hạnh	1.00	4.00	7.25	3.50	15.75	
53	03.189	KHÌN BÍCH MAI	Nữ	Nùng	13/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	6.25	5.50	3.00	15.75	
54	03.012	HOÀNG NGUYỄN GIA BẢO	Nam	Nùng	20/10/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	3.75	6.00	5.00	15.75	
55	03.004	LÝ THỊ KIM ANH	Nữ	Nùng	15/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	3.00	7.25	4.25	15.50	
56	03.048	TRIỆU QUỐC ĐẶNG	Nam	Nùng	10/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	3.25	6.25	5.00	15.50	
57	03.321	NÔNG THỊ XUÂN	Nữ	Nùng	06/03/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	4.50	5.25	4.75	15.50	
58	03.099	QUAN BẾ VIỆT HOÀNG	Nam	Tày	05/05/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	2.00	5.25	7.25	15.50	
59	03.261	VƯƠNG THU THẢO	Nữ	Nùng	20/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	4.75	4.25	5.25	15.25	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
60	03.168	NÔNG MAI LINH	Nữ	Tày	16/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	3.75	3.50	7.00	15.25	
61	03.229	PHÙNG VĂN PẢO	Nam	Dao	16/05/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	5.50	4.50	4.25	15.25	
62	03.172	SÀN THỊ LOAN	Nữ	Nùng	26/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	3.00	5.50	5.75	15.25	
63	03.341	NÔNG THU HOÀI	Nữ	Tày	22/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	5.75	4.75	3.75	15.25	
64	03.374	LỤC THỊ NHÂM	Nữ	Nùng	06/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	3.75	6.75	3.50	15.00	
65	03.403	PHƯƠNG HẢI YẾN	Nữ	Nùng	22/04/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	2.75	5.25	6.00	15.00	
66	03.279	ĐẶNG THỊ TRANG	Nữ	Dao	30/05/2010	Cao Bằng	PTDTBT TH và THCS Sơn Lập	1.00	4.50	5.50	4.00	15.00	
67	03.259	NÔNG THỊ THẢO	Nữ	Nùng	06/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	4.00	3.75	6.25	15.00	
68	03.171	TRIỆU THỊ HÀ LINH	Nữ	Nùng	30/03/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	4.00	4.50	5.50	15.00	
69	03.178	NÔNG NGỌC LONG	Nam	Nùng	30/11/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	3.75	3.75	6.50	15.00	
70	03.207	NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	Kinh	23/01/2010	Vĩnh Phúc	THCS thị trấn Bảo Lạc		5.50	5.75	3.50	14.75	
71	03.147	HOÀNG THIÊN LAM	Nữ	Tày	07/03/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	4.75	6.50	2.50	14.75	
72	03.083	CỪ A HẠNH	Nam	Mông	24/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	4.00	6.50	3.25	14.75	
73	03.047	VẦY HẢI ĐĂNG	Nam	Nùng	08/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	2.50	6.00	5.25	14.75	
74	03.313	TÔ HOÀNG VŨ	Nam	Tày	03/07/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Xuân Trường	1.00	5.75	4.75	3.25	14.75	
75	03.066	LỤC VĨNH GIANG	Nam	Tày	14/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Sơn Lộ	1.00	3.50	6.00	4.25	14.75	
76	03.052	MA THANH ĐẠT	Nam	Nùng	23/08/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	6.00	2.25	5.50	14.75	
77	03.204	CHU THỊ NGÀ	Nữ	Nùng	01/04/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	5.50	3.25	4.75	14.50	
78	03.277	LỤC THỂ TOÀN	Nam	Nùng	29/03/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	5.00	3.50	5.00	14.50	
79	03.167	MA THỊ THÙY LINH	Nữ	Tày	25/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Sơn Lộ	1.00	5.75	5.50	2.25	14.50	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
80	03.304	TRIỆU ÁNH TUYẾT	Nữ	Nùng	08/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	1.00	6.25	6.00	14.25	
81	03.255	LƯƠNG QUANG TĂNG	Nam	Tày	31/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Sơn Lộ	1.00	3.75	5.00	4.50	14.25	
82	03.163	ĐÀO NHẬT LINH	Nữ	Tày	18/02/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	2.75	4.75	5.50	14.00	
83	03.368	NÔNG QUỲNH NGÀ	Nữ	Nùng	12/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	5.25	5.25	2.50	14.00	
84	03.309	NÔNG THỊ NGỌC VÂN	Nữ	Tày	17/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	1.75	7.50	3.75	14.00	
85	03.281	LƯƠNG THỊ TRANG	Nữ	Nùng	12/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	4.25	5.25	3.50	14.00	
86	03.227	HOÀNG THỊ OANH	Nữ	Tày	26/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	5.00	5.50	2.50	14.00	
87	03.170	TẦN THỊ LINH	Nữ	Sán Chỉ	12/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	3.50	2.75	6.75	14.00	
88	03.356	HOÀNG THỊ LẬP	Nữ	Nùng	11/04/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	4.50	4.50	3.75	13.75	
89	03.235	TRIỆU MINH QUÂN	Nam	Nùng	02/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	4.00	6.00	2.75	13.75	
90	03.027	HOÀNG VĂN CƯỜNG	Nam	Nùng	12/12/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	3.50	6.50	2.75	13.75	
91	03.145	LÀU VĂN KIÊN	Nam	Mông	22/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Sơn Lộ	1.00	3.75	6.00	3.00	13.75	
92	09.190	NÔNG NGÂN HOÀNG	Nam	Tày	01/12/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	5.75	3.75	3.00	13.50	
93	03.160	NÔNG NGỌC LIỄU	Nữ	Tày	03/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	5.25	4.75	2.50	13.50	
94	03.033	HOÀNG THỊ DUA	Nữ	HMông	11/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	4.75	4.75	3.00	13.50	
95	03.187	TRIỆU MÙI LY	Nữ	Dao	29/05/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	2.00	4.50	6.00	13.50	
96	03.389	QUAN THỊ MINH THU'	Nữ	Tày	23/12/2010	Cao Bằng	PTDTBT TH và THCS Vĩnh Quang	1.00	2.25	6.75	3.25	13.25	
97	03.288	MA DƯƠNG TRÚC	Nữ	Tày	15/01/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	3.50	5.00	3.75	13.25	
98	03.369	NÔNG THỊ PHƯƠNG NGÀ	Nữ	Tày	26/12/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	3.50	6.00	2.75	13.25	
99	03.280	HOÀNG THỊ THU TRANG	Nữ	Nùng	08/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	5.00	3.75	3.50	13.25	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
100	03.080	HOÀNG MAI HÂN	Nữ	Sán Chỉ	05/04/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	2.50	6.25	3.50	13.25	
101	03.114	NÔNG THỊ HUỆ	Nữ	Nùng	14/07/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	2.25	6.75	3.25	13.25	
102	03.175	HOÀNG VĂN LONG	Nam	Tày	18/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	3.75	2.75	5.75	13.25	
103	03.149	HOÀNG VĂN LÂM	Nam	Tày	09/04/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	3.00	5.75	3.50	13.25	
104	03.072	BÍNH HOA NGỌC HÀ	Nữ	Tày	17/07/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	4.00	5.00	3.00	13.00	
105	03.036	HOÀNG VĂN DƯƠNG	Nam	Tày	27/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hồng Trị	1.00	4.25	4.25	3.50	13.00	
106	03.310	LÃNH THỊ VI	Nữ	Tày	19/11/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	2.50	6.25	3.25	13.00	
107	03.173	TRIỆU NGỌC LOAN	Nữ	Nùng	16/06/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	3.00	5.00	4.00	13.00	
108	03.264	TRIỆU QUANG THỌ	Nam	Tày	18/07/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Phan Thanh	1.00	6.50	3.50	2.00	13.00	
109	03.134	TÔ TUẤN KHANG	Nam	Tày	24/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Xuân Trường	1.00	4.00	5.75	2.25	13.00	
110	03.287	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Nam	Nùng	01/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	4.25	3.50	4.00	12.75	
111	03.001	LÝ BẢO AN	Nam	Nùng	21/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	2.25	5.50	4.00	12.75	
112	03.251	HOÀNG THỊ SƠN	Nữ	Mông	24/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Sơn Lộ	1.00	2.25	5.00	4.50	12.75	
113	03.386	LÝ THỊ THIÊN	Nữ	Nùng	26/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	1.50	7.25	2.75	12.50	
114	03.020	LƯƠNG BẾ CHIỀU	Nam	Nùng	30/07/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	3.75	5.00	2.75	12.50	
115	03.011	NÔNG ĐÌNH VI BẰNG	Nam	Tày	13/01/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	4.50	4.25	2.75	12.50	
116	03.271	NÔNG HOÀI THU	Nữ	Tày	23/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	4.50	4.75	2.25	12.50	
117	03.164	HOÀNG GIA LINH	Nữ	Tày	15/05/2010	Thái Nguyên	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	2.75	4.75	4.00	12.50	
118	03.256	HOÀNG A THÁI	Nam	Mông	01/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Sơn Lộ	1.00	2.75	4.00	4.75	12.50	
119	03.327	NÔNG THỊ CHÂM	Nữ	Nùng	27/12/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	2.75	4.75	3.75	12.25	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
120	03.240	LỤC LỆ QUYÊN	Nữ	Tày	20/01/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	2.25	6.00	3.00	12.25	
121	03.085	LỤC THỊ HẠNH	Nữ	Nùng	24/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	1.00	7.50	2.75	12.25	
122	03.110	CHÁNG THỊ HUỆ	Nữ	Sán Chỉ	23/07/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	2.75	6.25	2.25	12.25	
123	03.289	HOÀNG ANH TÚ	Nam	Nùng	02/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	1.75	7.50	2.00	12.25	
124	03.079	HÀ NGỌC HÂN	Nữ	Tày	09/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Kim Cúc	1.00	3.75	4.50	2.75	12.00	
125	03.370	LỤC BẢO NGÀ	Nữ	Tày	01/01/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	3.00	5.25	2.75	12.00	
126	03.401	HOÀNG THỊ VIỄN	Nữ	Nùng	29/08/2010	Cao Bằng	TH và THCS Đức Hạnh	1.00	1.00	7.25	2.75	12.00	
127	03.015	VẦY THỊ BÍCH	Nữ	Nùng	12/09/2009	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	1.50	6.25	3.25	12.00	
128	03.312	GIÀNG MINH VŨ	Nam	Nùng	03/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	3.00	6.25	1.75	12.00	
129	03.274	HOÀNG THỊ THU THUYỀN	Nữ	Tày	04/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	4.75	3.25	3.00	12.00	
130	03.262	QUAN VĂN THIỆN	Nam	Tày	14/05/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	1.75	5.50	3.75	12.00	
131	03.133	LÝ VĂN KHẢI	Nam	Mông	29/04/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Sơn Lộ	1.00	3.25	5.00	2.75	12.00	
132	03.201	HOÀNG THỊ MỸ	Nữ	Mông	05/08/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Phan Thanh	1.00	3.00	5.00	2.75	11.75	
133	03.028	ĐẶNG MÙI DẮT	Nữ	Dao	18/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT TH và THCS Vĩnh Quang	1.00	3.50	4.50	2.75	11.75	
134	03.002	ĐÀM KIỀU ANH	Nữ	Tày	16/08/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	3.25	5.25	2.25	11.75	
135	03.252	LỤC ĐỨC TÀI	Nam	Nùng	05/05/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	1.50	4.50	4.75	11.75	
136	03.013	LÔ MINH BẢO	Nam	Tày	26/03/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	4.25	3.25	3.25	11.75	
137	03.045	MA HẢI ĐĂNG	Nam	Tày	09/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Sơn Lộ	1.00	2.00	5.50	3.25	11.75	
138	03.176	HỨA HOÀNG THĂNG LONG	Nam	Nùng	28/08/2010	Hà Nội	PTDTBT THCS Phan Thanh	1.00	2.00	4.00	4.75	11.75	
139	03.249	CHẶN DÙN SƠN	Nam	Dao	27/07/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	2.00	3.75	5.00	11.75	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
140	03.209	HOÀNG VĂN NGHIỆP	Nam	Nùng	25/11/2010	Cao Bằng	TH và THCS Đức Hạnh	1.00	3.25	3.00	4.25	11.50	
141	03.014	VŨ NGỌC BẢO	Nam	Kinh	29/04/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc		4.50	4.00	3.00	11.50	
142	03.181	NÔNG THỊ LƯƠNG	Nữ	Nùng	10/06/2010	Cao Bằng	TH và THCS Đức Hạnh	1.00	1.50	5.00	4.00	11.50	
143	03.042	THỊ THỊ ĐÀM	Nữ	Tày	07/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	2.25	5.25	3.00	11.50	
144	03.018	NÔNG YẾN CHI	Nữ	Tày	11/12/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	1.75	6.00	2.75	11.50	
145	03.132	NÔNG KHÁNH HUYỀN	Nữ	Tày	09/10/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	2.00	6.00	2.50	11.50	
146	03.243	TRIỆU LỆ QUỲNH	Nữ	Nùng	14/04/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	1.00	6.00	3.50	11.50	
147	03.150	LONG THẾ LÂM	Nam	Tày	20/07/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	4.00	4.25	2.25	11.50	
148	03.302	LƯƠNG THỊ TUYẾT	Nữ	Nùng	10/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hồng Trị	1.00	3.75	4.00	2.50	11.25	
149	03.266	NÔNG THỊ THỜI	Nữ	Nùng	24/08/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	2.25	5.50	2.50	11.25	
150	03.161	CHẢO THÙY LINH	Nữ	Dao	27/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Kim Cúc	1.00	3.75	3.00	3.50	11.25	
151	03.165	HOÀNG THỊ LINH	Nữ	Tày	01/08/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Kim Cúc	1.00	3.00	4.00	3.25	11.25	
152	03.270	HOÀNG THỊ THU	Nữ	Nùng	17/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	3.00	5.25	2.00	11.25	
153	03.306	PHÓN ÁNH UYÊN	Nữ	Nùng	16/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	4.25	2.50	3.50	11.25	
154	03.075	SÀM THỊ NGỌC HÀ	Nữ	Nùng	01/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	1.50	5.50	3.25	11.25	
155	03.139	BÀN MÙI KHÉ	Nữ	Dao	29/08/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	2.50	5.25	2.50	11.25	
156	03.196	HÀ THẾ MINH	Nam	Nùng	02/01/2009	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	3.00	5.00	2.25	11.25	
157	03.185	PHÙNG THỊ LY	Nữ	Dao	21/12/2010	Cao Bằng	PTDTBT TH và THCS Sơn Lập	1.00	3.25	3.25	3.75	11.25	
158	03.089	LỤC VĂN HIẾU	Nam	Nùng	23/05/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	1.75	5.00	3.50	11.25	
159	03.154	NÔNG VĂN LẬP	Nam	Tày	11/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	2.00	5.00	3.25	11.25	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
160	03.245	SÙNG THỊ SANH	Nữ	Mông	07/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Phan Thanh	1.00	1.50	5.00	3.50	11.00	
161	03.074	HOÀNG THỊ HÀ	Nữ	Tày	01/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	3.50	4.25	2.25	11.00	
162	03.006	QUAN QUỐC ANH	Nam	Tày	07/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hồng Trị	1.00	1.50	4.75	3.75	11.00	
163	03.055	LUÔNG THỊ ĐẸP	Nữ	Tày	17/03/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	1.50	4.00	4.50	11.00	
164	03.212	TRIỆU BÍCH NGỌC	Nữ	Tày	05/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT TH và THCS Vĩnh Quang	1.00	3.25	4.25	2.50	11.00	
165	03.208	NÔNG THỊ NGÂN	Nữ	Nùng	13/12/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	1.25	6.50	2.25	11.00	
166	03.282	NÔNG THỊ TRANG	Nữ	Tày	07/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	4.50	3.00	2.50	11.00	
167	03.084	LÊ THỊ HẠNH	Nữ	Tày	25/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT TH và THCS Vĩnh Quang	1.00	1.00	5.00	4.00	11.00	
168	03.146	PHÓN THỊ KIM	Nữ	Sán Chỉ	09/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	3.75	3.50	2.75	11.00	
169	03.115	LỤC ĐẠI HÙNG	Nam	Nùng	05/06/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	1.00	5.50	3.50	11.00	
170	03.191	VỪ THỊ MAI	Nữ	Mông	06/12/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	1.25	4.75	4.00	11.00	
171	03.380	HỨA THANH THÁI	Nam	Nùng	27/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hồng Trị	1.00	3.25	4.50	2.00	10.75	
172	03.358	TRẦN THỊ THU LIỄU	Nữ	Dao	14/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	4.25	4.00	1.50	10.75	
173	03.226	NÔNG THỊ NHUNG	Nữ	Tày	04/08/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	2.25	5.00	2.50	10.75	
174	03.265	HỨA THỊ THOA	Nữ	Nùng	23/03/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	2.25	4.50	3.00	10.75	
175	03.003	HOÀNG THỊ ANH	Nữ	Nùng	18/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	2.75	4.75	2.25	10.75	
176	03.065	ĐẶNG MÙI GHÊ	Nữ	Dao	18/03/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	1.50	5.25	3.00	10.75	
177	03.043	HOÀNG LINH ĐAN	Nữ	Nùng	01/02/2010	Cao Bằng	TH và THCS Đức Hạnh	1.00	1.25	5.00	3.50	10.75	
178	03.166	LÝ HỨA NHẬT LINH	Nữ	Tày	17/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	2.25	5.00	2.50	10.75	
179	03.081	MA THỊ NHƯ' HẰNG	Nữ	Tày	15/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Sơn Lộ	1.00	2.00	5.00	2.75	10.75	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
180	03.294	NGUYỄN BẢO TUẤN	Nam	Tày	11/06/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	1.50	5.50	2.75	10.75	
181	03.140	TẦN MÙI KHÉ	Nữ	Dao	05/08/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	2.50	5.50	1.75	10.75	
182	03.192	QUAN VĂN MẠNH	Nam	Nùng	01/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hồng Trị	1.00	4.00	1.75	4.00	10.75	
183	03.236	ĐẶNG VĂN QUANG	Nam	Sán Chỉ	05/03/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Sơn Lộ	1.00	3.25	3.25	3.25	10.75	
184	03.213	SÀN VĂN NGÔN	Nam	Nùng	18/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	2.50	4.25	3.00	10.75	
185	03.008	TÔ HẢI ANH	Nam	Nùng	23/04/2010	Cao Bằng	TH và THCS Đức Hạnh	1.00	2.00	5.75	1.75	10.50	
186	03.101	HỨA THỊ HỒNG	Nữ	Nùng	11/05/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	1.50	4.75	3.25	10.50	
187	03.228	HỨA THỊ OANH	Nữ	Nùng	10/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	3.00	3.75	2.75	10.50	
188	03.263	ĐẶNG THỊ THƠ	Nữ	Sán Chỉ	16/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	1.00	4.00	4.50	10.50	
189	03.118	NGUYỄN QUỐC HÙNG	Nam	Kinh	10/02/2010	Hải Dương	THCS thị trấn Bảo Lạc		2.75	5.00	2.75	10.50	
190	03.119	LƯU THIÊN HƯƠNG	Nữ	Nùng	06/07/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	2.00	4.75	2.75	10.50	
191	03.098	NÔNG VĂN HOÀNG	Nam	Nùng	04/07/2010	Cao Bằng	TH và THCS Đức Hạnh	1.00	1.25	3.00	5.25	10.50	
192	03.301	HOÀNG THỊ TUYẾT	Nữ	Nùng	17/03/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	3.25	3.00	3.00	10.25	
193	03.250	ĐẶNG BẢO SƠN	Nam	Dao	12/03/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	3.25	3.50	2.50	10.25	
194	03.058	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	Nam	Nùng	21/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	1.25	3.50	4.50	10.25	
195	03.153	VI THỊ LAN	Nữ	Nùng	13/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	2.25	3.25	3.75	10.25	
196	03.112	HOÀNG THU HUỆ	Nữ	Tày	30/08/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	2.25	4.00	3.00	10.25	
197	03.273	HÀ NGỌC THƯƠNG	Nam	Tày	14/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	4.25	3.50	1.50	10.25	
198	03.257	LỤC VĂN THĂNG	Nam	Nùng	10/04/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	1.25	3.25	4.75	10.25	
199	03.183	NÔNG KHÁNH LY	Nữ	Tày	03/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hồng Trị	1.00	3.00	3.50	2.75	10.25	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
200	03.105	LÀY VĂN HUẤN	Nam	Nùng	05/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	1.00	3.75	4.50	10.25	
201	03.305	HOÀNG BẢO UYÊN	Nữ	Nùng	08/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	2.00	4.50	2.50	10.00	
202	03.182	LỤC MINH LUYỆN	Nam	Nùng	18/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	2.50	4.25	2.25	10.00	
203	03.193	ĐẶNG THỊ MÂY	Nữ	Dao	27/05/2010	Cao Bằng	PTDTBT TH và THCS Vĩnh Quang	1.00	2.50	2.75	3.75	10.00	
204	03.094	HOÀNG TRỌNG HOÀI	Nam	Tày	27/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	1.50	4.75	2.75	10.00	
205	03.059	HOÀNG VĂN ĐÔNG	Nam	Nùng	12/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	1.25	3.00	4.75	10.00	
206	03.225	NÔNG HỒNG NHUNG	Nữ	Tày	18/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Sơn Lộ	1.00	2.75	3.75	2.50	10.00	
207	03.128	NÔNG GIA HUY	Nam	Tày	20/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Sơn Lộ	1.00	1.00	5.25	2.75	10.00	
208	03.364	TÔ THẢO LINH	Nữ	Nùng	31/10/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	2.25	3.50	3.00	9.75	
209	03.290	HOÀNG ANH TÚ	Nam	Nùng	22/01/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	1.50	5.00	2.25	9.75	
210	03.169	SÀN THỊ LINH	Nữ	Sán Chỉ	25/03/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Kim Cúc	1.00	3.50	2.25	3.00	9.75	
211	03.199	NÔNG THỊ MINH	Nữ	Nùng	22/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	1.25	4.50	3.00	9.75	
212	03.316	NHÀN THỊ KIM VUI	Nữ	Nùng	12/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	1.00	4.25	3.50	9.75	
213	03.104	SÀM QUANG HỢP	Nam	Tày	07/12/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	1.00	4.00	3.75	9.75	
214	03.276	CHU VĂN TOÀN	Nam	Nùng	10/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	1.50	4.00	3.25	9.75	
215	03.155	TRIỆU VĂN LẦY	Nam	Dao	08/07/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	2.75	3.75	2.25	9.75	
216	03.102	LƯƠNG THỊ HOA HỒNG	Nữ	Nùng	13/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	1.50	4.50	2.50	9.50	
217	03.159	DƯƠNG HỒNG LIỄU	Nữ	Nùng	16/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	2.25	3.75	2.50	9.50	
218	03.206	HOÀNG THỊ NGÂN	Nữ	Tày	12/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	2.25	3.75	2.50	9.50	
219	03.186	TRIỆU KHÁNH LY	Nữ	Tày	05/04/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	1.25	5.25	2.00	9.50	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
220	03.216	ĐÀM THỊ NHÂM	Nữ	Tày	22/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Xuân Trường	1.00	2.00	4.75	1.75	9.50	
221	03.010	NÔNG HẢI BÁCH	Nam	Tày	07/01/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	3.25	2.50	2.75	9.50	
222	03.267	NÔNG THỊ THƠM	Nữ	Nùng	27/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	1.75	5.00	1.75	9.50	
223	03.203	NÔNG PHƯƠNG NAM	Nam	Tày	27/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	3.25	3.50	1.75	9.50	
224	03.269	MA VĂN THÔNG	Nam	Nùng	30/10/2009	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	1.50	4.25	2.75	9.50	
225	03.247	CHẢO A SINH	Nam	Dao	08/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Xuân Trường	1.00	1.50	3.75	3.25	9.50	
226	03.090	NÔNG THỊ HỘ	Nữ	Tày	09/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Sơn Lộ	1.00	2.00	4.00	2.50	9.50	
227	03.297	TẦN THỊ TƯỞI	Nữ	Sán Chỉ	14/02/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	1.00	5.25	2.25	9.50	
228	03.127	NÔNG CHÍ HUY	Nam	Nùng	03/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	1.00	5.00	2.50	9.50	
229	03.197	HÒ THỊ MINH	Nữ	Nùng	19/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	1.25	4.50	2.75	9.50	
230	03.311	MÔNG THẢO VI	Nữ	Tày	02/04/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Xuân Trường	1.00	1.50	3.25	3.50	9.25	
231	03.111	HOÀNG THỊ HUỆ	Nữ	Tày	14/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Thịnh	1.00	1.00	5.00	2.25	9.25	
232	03.138	TRIỆU ĐỨC KHÁNH	Nam	Nùng	16/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	1.25	4.50	2.50	9.25	
233	03.087	LÀN VĂN HIỀN	Nam	Nùng	08/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	1.00	3.50	3.75	9.25	
234	03.157	HOÀNG THỊ NGỌC LIÊM	Nữ	Tày	14/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Kim Cúc	1.00	3.00	1.75	3.25	9.00	
235	03.188	HOÀNG THỊ LÝ	Nữ	Mông	20/10/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Phan Thanh	1.00	1.25	3.75	3.00	9.00	
236	03.210	HẠ TUẤN NGỌC	Nam	Tày	30/07/2010	Bắc Cạn	THCS Đê Thám	1.00	1.50	3.50	3.00	9.00	
237	03.021	BAN ĐỨC CHÍNH	Nam	Tày	29/05/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	1.50	4.00	2.50	9.00	
238	03.123	SÀN THỊ HƯỜNG	Nữ	Nùng	02/06/2010	Cao Bằng	TH và THCS Đức Hạnh	1.00	1.00	4.50	2.25	8.75	
239	03.195	THÌ THỊ MẾN	Nữ	Tày	14/03/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	2.75	3.00	2.00	8.75	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
240	03.135	LƯƠNG BẢO KHANH	Nam	Nùng	21/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	1.00	3.75	3.00	8.75	
241	03.222	HOÀNG THỊ NHI	Nữ	Tày	02/06/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	1.00	1.00	3.75	3.00	8.75	
242	03.190	PHÙNG THỊ MAI	Nữ	Dao	03/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT TH và THCS Sơn Lập	1.00	1.00	4.00	2.50	8.50	
243	03.278	ĐẶNG THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	Sán Chỉ	17/04/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	2.00	3.25	2.25	8.50	
244	03.233	TẦN THỊ PHƯƠNG	Nữ	Dao	16/03/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	1.25	2.75	3.50	8.50	
245	03.116	LƯƠNG VĂN HÙNG	Nam	Nùng	11/03/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	1.50	3.50	2.50	8.50	
246	03.044	HOÀNG THẾ ĐĂNG	Nam	Tày	17/08/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hồng Trị	1.00	1.75	3.00	2.75	8.50	
247	03.093	HỨA THỊ HOA	Nữ	Nùng	27/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	1.00	3.75	2.75	8.50	
248	03.095	LONG THU HOÀI	Nữ	Sán Chỉ	23/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Kim Cúc	1.00	3.50	2.00	2.00	8.50	
249	03.120	HOÀNG THỊ HƯỜNG	Nữ	Nùng	16/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hồng Trị	1.00	1.25	3.50	2.75	8.50	
250	03.200	SÀN THỊ MỤI	Nữ	Dao	28/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	1.75	3.75	2.00	8.50	
251	03.046	SÀN HẢI ĐĂNG	Nam	Nùng	05/08/2010	Cao Bằng	TH và THCS Đức Hạnh	1.00	1.00	3.25	3.25	8.50	
252	03.231	LÃNH TRỌNG PHÁT	Nam	Tày	28/08/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Xuân Trường	1.00	1.00	4.00	2.50	8.50	
253	03.232	TẦN THỊ PHƯƠNG	Nữ	Nùng	10/05/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	1.00	3.50	3.00	8.50	
254	03.254	HÙ VĂN TÂN	Nam	Nùng	27/03/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	1.25	2.50	3.75	8.50	
255	03.275	LA MINH TIẾN	Nam	Nùng	21/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Bảo Toàn	1.00	1.00	5.00	1.25	8.25	
256	03.009	MÃ HOÀNG BÁCH	Nam	Tày	14/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Khánh Xuân	1.00	1.25	4.75	1.25	8.25	
257	03.131	LÝ THỊ HUYỀN	Nữ	Sán Chỉ	03/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	1.50	4.50	1.25	8.25	
258	03.050	KHÌN GIA ĐẠT	Nam	Nùng	28/09/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cốc Pàng	1.00	1.00	1.00	5.25	8.25	
259	03.194	TẦN TẢ MÂY	Nữ	Dao	11/07/2009	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	2.25	1.75	3.25	8.25	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
260	03.214	TRIỆU VĂN NGUYỄN	Nam	Sán Chỉ	01/09/2009	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	2.25	3.00	2.00	8.25	
261	03.035	HOÀNG THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	Nùng	16/04/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Thượng Hà	1.00	1.00	3.25	2.75	8.00	Điểm TBM lớp 9: 7.86
262	03.031	ĐÀM THỊ HUYỀN DIỆU	Nữ	Nùng	17/12/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	2.25	2.25	2.50	8.00	Điểm TBM lớp 9: 7.26
263	03.017	NÔNG THỊ CHÂM	Nữ	Nùng	18/09/2009	Cao Bằng	TH và THCS Đức Hạnh	1.00	1.25	2.75	3.00	8.00	Điểm TBM lớp 9: 7.20
264	03.034	TRIỆU QUANG DŨNG	Nam	Tày	03/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT TH và THCS Vĩnh Quang	1.00	1.00	2.75	3.25	8.00	Điểm TBM lớp 9: 7.09
265	03.032	NÔNG VIỆT DOANH	Nam	Tày	01/06/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Hưng Đạo	1.00	2.50	3.00	1.50	8.00	Điểm TBM lớp 9: 6.89
266	03.234	HỨA VĂN QUAN	Nam	Nùng	29/01/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	1.00	2.75	3.25	8.00	Điểm TBM lớp 9: 6.88
267	03.076	VỪ THỊ THU HÀ	Nữ	Mông	16/11/2010	Cao Bằng	PTDTBT THCS Cô Ba	1.00	1.25	2.75	3.00	8.00	Điểm TBM lớp 9: 6.88

Danh sách gồm 267 học sinh./.